TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 70/2020/DS-PT Ngày: 29-6-2020 **V/v:** "Tranh chấp Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Dư Thành Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2019/TLPT- DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp: "Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 292/2019/QĐ-PT ngày 28/10/2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 138/TB-PT ngày 03/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 472/2020/QĐ-PT ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1958; cư trú tại số 115/1B, G, xã T 3, huyện T, tỉnh Đ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu Thủy Ph, sinh năm: 1978; cư trú tại số 115/1B, G, xã T 3, huyện T, tỉnh Đ *(Văn bản ủy quyền số 1266, quyển số 02/2018 (1)-SCT/CK,CĐ do Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đ chứng thực ngày 13/9/2018)*, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Đình N, sinh năm: 1974; cư trú tại số 06, đường N, khu phố 24 (lô 90), thị trấn La,

huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Luật sư của Văn phòng Luật sư D - Đoàn Luật sư tỉnh L, có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Ch, sinh năm: 1966, bà Bùi Thị Ph, sinh năm: 1973; cư trú tại tổ dân phố 3C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, ông Ch vắng mặt, bà Ph có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Bùi Văn H, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

- Ông Lê Mậu T, là người đại diện theo ủy quyền *(Văn bản ủy quyền số 31/UQ-UBND ngày 17/6/2019)*, vắng mặt.

2/ Bà Lê Thị V, sinh năm: 1927; cư trú tại số 115/1B, G, xã T 3, huyện T, tỉnh Đ, vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Hữu Thủy Ph, sinh năm: 1978; cư trú tại số 115/1B, G, xã T 3, huyện T, tỉnh Đ, có mặt.

4/ Ông Nguyễn Hữu Trường Gi, sinh năm: 1982; cư trú tại 115/1B, G, xã T 3, huyện T, tỉnh Đ, vắng mặt.

5/ Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm: 1983; cư trú tại 115/1B, G, xã T 3, huyện T, tỉnh Đ, có mặt.

6/ Bà Nguyễn Thị Ngân Th, sinh năm: 1992; cư trú tại 115/1B, G, Gia Tân 3, huyện T, tỉnh Đ, vắng mặt.

7/ Vợ chồng ông Trần Văn Ch, sinh năm: 1963, bà Lê Thị H, sinh năm: 1968; cư trú tại tổ dân phố 3C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị X – Nguyên đơn.

- Bà Bùi Thị Ph – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2019; lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Bà Nguyễn Thị X thì:

Lô đất có diện tích 2.473,7m^2 trong đó 1.217,8m^2 thuộc một phần thửa 34; 124,1m^2 thuộc một phần thửa 29; 480,7m^2 thuộc một phần thửa 33; 307,3m^2 thuộc thửa 28A; 343,8m^2 thuộc một phần thửa 28 tờ bản đồ 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L có nguồn gốc thuộc một phần diện tích đất do vợ chồng ông Kh, bà X nhận

chuyển nhượng vào năm 1991 của Trạm cơ giới Đ (diện tích đất nhận chuyển nhượng lúc này là 17,668m^2, do ông Phùng Ngọc U – Trạm trưởng chuyển nhượng), khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tờ với nhau, hiện nay giấy tờ đã thất lạc. Năm 1993 Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà không biết nên một phần diện tích đất tranh chấp trên đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất cho ông Ch; tuy nhiên phần đất tranh chấp này gia đình bà vẫn sử dụng cho đến nay.

Nay bà X đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp là của bà và các con và yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 370/QĐ – UB ngày 14/10/1993 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Phạm Ngọc Ch đối với các thửa đất số 28, 28A và 34 tờ bản đồ 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Theo lời trình bày của bà Bùi Thị Ph thì: nguồn gốc đất tranh chấp nói trên được vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của Trạm cơ giới huyện Đ vào năm 1990 (do ông Phùng Ngọc U – Trạm trưởng chuyển nhượng); đất nhận chuyển nhượng có chiều ngang là mặt đường 22m chạy thẳng hết đất phía sau giáp với mương thủy lợi, khi giao đất bên giao có ông Uẩn, bên nhận là bà với ông Ch, năm 1992 vợ chồng bà trả đủ tiền nên ông Uẩn viết giấy tờ chuyển nhượng, năm 1993 vợ chồng bà làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào ngày 31/12/1993 đối với các thửa 28, 28a, 34 tờ bản đồ 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L, trình tự thủ tục và nội dung cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Phần diện tích đất 124,1m^2 thuộc một phần thửa 29; 480,7m^2 đất thuộc một phần thửa 33 tờ bản đồ 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L không được cấp trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là do khi đo đạc để cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bị thiếu sót nhưng phần đất này vợ chồng bà sử dụng từ trước tới nay. Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu trả lại đất thì bà không đồng ý.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Trần Văn Ch, bà Lê Thị H thì: Năm 1997 vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Ch, bà Ph diện đất có chiều ngang mặt đường là 04m, chiều dài 22,5m thuộc một phần thửa 28 tờ bản đồ 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L, giá chuyển nhượng là 1,2 lượng vàng, vợ chồng ông, bà đã giao đủ vàng và nhận đất, phần đất nhận chuyển nhượng là đất trống, khi chuyển nhượng hai bên đã làm thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Hiện nay Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Bà Nguyễn Thị X với vợ chồng Ông Phạm Ngọc Ch, bà Bùi Thị Ph thì vợ chồng ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

- Ông Nguyễn Hữu Thủy Ph, Ông Nguyễn Hữu Trường Gi, Bà Nguyễn Thị Thu Th thống nhất với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà X.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 06/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019; Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị X về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất" với Ông Phạm Ngọc Ch và bà Bùi Thị Ph.

Tạm giao cho Bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng 124,1m^2 đất thuộc một phần thửa 29; 480,7m^2 đất thuộc một phần thửa 33 tờ bản đồ 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L. Phần diện tích đất tạm giao cho bà X có chiều dài và chiều ngang các cạnh theo bản đo chỉnh lý bản đồ địa chính thửa đất xin đo đạc ngày 12/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 1.217,8m^2 thuộc một phần thửa 34, 307,3m^2 đất thuộc thửa 28A; 343,8m^2 đất thuộc một phần thửa 28 tờ bản đồ 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L và yêu cầu hủy một phần Quyết định số 370/QĐ –UB ngày 14/10/1993 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Phạm Ngọc Ch đối với các thửa đất số 28, 28A và 34 tờ bản đồ 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 16/9/2019 Bà Nguyễn Thị X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 19/9/2019 bà Bùi Thị Ph có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị X và bà Bùi Thị Ph vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc Bà Nguyễn Thị X cho rằng lô đất có diện tích 2.473,7m^2 có nguồn gốc là của vợ chồng bà X, ông Kh nhận chuyển nhượng của Trạm cơ giới Đ, huyện Đ; do quá trình sử dụng thì một phần diện tích đất này được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bị đơn nên đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ diện tích đất nói trên cho bà, đồng thời yêu cầu hủy một phần Quyết định số 370/QĐ-UB ngày 14/10/1993 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cho Ông Phạm Ngọc Ch đối với diện tích đất thuộc các thửa 28, 28a và 34, tờ bản đồ số 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L. Bà Bùi Thị Ph không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp Quyền sử dụng đất"* là chưa đầy đủ, cần xác định lại là *"Tranh chấp Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức"* mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thấy rằng: Giữa các bên trình bày về nguồn gốc của diện tích đất tranh chấp có sự mâu thuẫn. Theo bà X thì diện tích đất này có nguồn gốc do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của Trạm cơ giới Đ từ năm 1991; bà Ph thì cho biết nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bà và ông Ch nhận chuyển nhượng của của Trạm cơ giới Đ, khi nhận chuyển nhượng thì hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/12/1993 (số B720360) đối với thửa 28, 28a, 34, tờ bản đồ số 22, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L; chứng cứ chứng minh là "Giấy bán đất" do ông Ẩn lập ngày 21/6/1992. Do vậy cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[3] Theo hồ sơ thể hiện thì các thửa 34, 28, 28a được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Ch vào năm 1993; tuy nhiên hiện nay phần lớn diện tích đất này đang được nguyên đơn quản lý, sử dụng; theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hiện ngày 12/3/2019 thì: đối với thửa 34 thì bị đơn được cấp 1.668m^2 nhưng các bên chỉ tranh chấp 1.212,8m^2; phần còn lại nguyên đơn đang sử dụng, bị đơn cũng không có ý kiến gì đối với phần nguyên đơn đang sử dụng và không có tranh chấp đối với phần đất này.

Đối với phần diện tích đất thuộc thửa 28 thì hiện nay có một phần đất nguyên đơn đang sử dụng, một phần đất hiện do vợ chồng ông Ch, bà H sử dụng (nay là thửa 639), một phần còn lại thì bị đơn sử dụng. Theo hồ sơ thể hiện thì khi vợ chồng ông Ch, bà H nhận chuyển nhượng 01 phần diện tích đất thuộc thửa 28 thì giữa các gia đình bà X, vợ chồng ông Ch, bà H và bị đơn đã xảy ra tranh chấp. Vợ chồng ông Ch, bà H phải dịch chuyển vào trong phần đất thuộc thửa 28 là 2m so với vị trí ban đầu đã chuyển nhượng, phần đất tranh chấp (thuộc 01 phần thửa 28, kề bên phần đất vợ chồng ông Ch, bà H đang quản lý, sử dụng) thì vẫn do nguyên đơn quản lý, sử dụng cho đến nay. Quá trình sử dụng nguyên đơn đã đầu tư cải tạo đất và trồng cây trên đất, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ công sức tôn tạo đất và giá trị cây trồng trên đất cho nguyên đơn là sự thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đối với thửa 28a thì theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Ch có diện tích là 254m^2 tuy nhiên theo kết quả đo vẽ thực tế lại có diện tích là 307,3m^2, như vậy diện tích đất chênh lệch là 53,3m^2. Cấp sơ thẩm

chưa làm rõ diện tích đất thực tế dư ra so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có nguồn gốc ở đâu.

Theo nội dung "Giấy bán đất" do ông Phùng Ngọc Ẩ lập ngày 21/6/1992 thì phần đất mà bị đơn nhận chuyển nhượng có "diện tích mặt đường 721 (chiều ngang mặt đường khoảng 22m kéo dài đến giáp mương thủy lợi là hết đất". Đối chiếu với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hiện ngày 12/3/2019 thì nội dung nói trên là không phù hợp với thực tế bởi lẽ thửa 28a (bị đơn được cấp) giáp với thửa 33 (đất của nguyên đơn đã đăng ký), còn thửa 34 nằm phía sau lại cách thửa 28a và 33 nói trên một khoản đất trống. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay bà Ph thừa nhận Giấy bán đất nói trên là được viết lại sau này để xác nhận đây là tài sản chung của vợ chồng chứ không phải viết tại thời điểm nhận chuyển nhượng của Trạm cơ giới, vấn đề này cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

[4] Trong thực tế thì phần đất tranh chấp được nguyên đơn sử dụng trong một thời gian dài nên cần phải xem tính hợp pháp của việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với phần đất hiện nay các bên đang tranh chấp bởi lẽ bị đơn là người được cấp quyền sử dụng đất nhưng lại không sử dụng. Bên cạnh đó theo hồ sơ thể hiện thì nguyên đơn chỉ đăng ký kê khai các thửa 29, 33, 35, 551 có tổng diện tích là 17.668m^2 nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ hiện nay nguyên đơn sử dụng bao nhiêu m^2; phần đất nằm giữa thửa 34 và 35 theo họa đồ hiện nay nguyên đơn đang sử dụng thuộc thửa nào; cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ ranh giới đất mà các bên sử dụng khi ông Ch được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà chỉ căn cứ vào nội dung Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà bị đơn được cấp để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thửa 28a, một phần thửa 28 và 34, tờ bản đồ số 22 là chưa phù hợp với thực tế.

[5] Tại phiên tòa hôm nay các đương sự trình bày quá trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm đã thông báo cho Tòa án biết về việc hiện nay trên thửa 34, tờ bản đồ số 22 bà Ph đang cho người khác thuê nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ để đưa những người này tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là cấp cho Ông Phạm Ngọc Ch, tuy nhiên khi các bên phát sinh tranh chấp thì ông Ch lại làm thủ tục tặng cho bà Bùi Thị Ph và được cơ quan chức năng làm thủ tục đăng ký biến động sang tên bà Ph vào ngày 18/4/2018 (cùng ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án) nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ tính hợp pháp của Hợp đồng tặng cho này là có thiếu sót.

[6] Xét thấy, theo phần II của giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 về giải đáp một số vấn đề tố tụng hành chính, tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân tối cao thì: "Khi giải quyết vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức thì Tòa án phải xem xét, đánh giá về tính hợp pháp của quyết định

cá biệt đó.

Trường hợp quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và phải hủy quyết định đó mới bảo đảm giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự mà việc hủy quyết định đó không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự thì Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự tiếp tục giải quyết và xem xét hủy quyết định đó.

Trường hợp việc xem xét hủy quyết định đó dẫn đến thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì Tòa án nhân dân cấp huyện đang thụ lý giải quyết vụ việc dân sự phải chuyển vụ việc cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết và xem xét hủy quyết định đó".

Việc tranh chấp giữa các đương sự được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vào ngày 18/4/2018, lẽ ra khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét đến tính hợp pháp của việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Ch, trong trường hợp có đủ căn cứ cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nói trên là chưa phù hợp với thực tế, dẫn đến phải hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất này thì phải chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo thẩm quyền mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không xem xét đến tính hợp pháp của việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Ch là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[7] Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa làm rõ các vấn đề vừa nêu, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: chi phí đo vẽ, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chổ (đã quyết toán xong) sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[9] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên bà X, bà Ph không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Án phí Dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị X và một phần kháng cáo của bà Bùi Thị Ph.

Tuyên xử:

1/ Hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất" giữa Bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Ngọc Ch, bà Bùi Thị Ph.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Về án phí:

Bà Bùi Thị Ph được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009802 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (09);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Châu Thạch